TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **230**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/07/2020.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

2. Bà **Trần Thu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Lê Thành Chí** – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐST- HNGĐ ngày 09/07/2020 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ N** – sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **NGUYỄN MINH K** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: chị và anh Nguyễn Minh K cưới nhau vào năm 2010, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới chị và anh K sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến đầu tháng 06/2020 thì chị và anh K sống ly thân cho đến nay. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017. Hiện 2 cháu K và N đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 2 cháu K và N, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

***** Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Nguyễn Minh K trình bày: anh và chị N cưới nhau vào năm 2010, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới anh và chị N sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến đầu tháng 06/2020 thì anh và chị N sống ly thân cho đến nay. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn, phía anh K không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017. Hiện 2 cháu K và N đang sống với chị N. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, còn cháu N giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Minh K; về con chung: chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Minh K đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N; về con chung: anh đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010, và Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N; Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K; về con chung: giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu K và N, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có cơ sở. Vì chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K cưới nhau vào năm 2010, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số 09 ngày 29/03/2010. Quá trình chung sống giữa chị N và anh K sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến đầu tháng 06/2020 thì chị N và anh K sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị N, anh K vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa anh K cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa chị N và anh K thống nhất giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017. Xét sự thỏa thuận này của chị N và anh K là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này của chị N là có cơ sở vì theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, Nhưng chị N và anh K không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh K và nhu cầu thiết yếu của hai K và N, đồng thời theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 745.000 đồng/cháu, hai cháu là 1.490.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu K và N là 745.000 đồng/tháng/cháu, hai cháu là 1.490.000 đồng là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có

[6] Về án phí: do chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh K.

- Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 28/12/2010 và Nguyễn Ngọc Kiều N - sinh ngày 11/9/2017 cho đến khi hai cháu K và N đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Nguyễn Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu K và N mỗi tháng là **745.000** đồng/cháu, hai cháu là **1.490.000** đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu K và N đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Nguyễn Minh K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0016604 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị N đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh